

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 177/2022/DS-PT

Ngày 01 – 8 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Trương Vĩnh Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLPT-DS ngày 30/5/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2022/QĐ-PT ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh N, sinh năm: 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Ông C, xã Tân T, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1977 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Ông C, xã Tân T, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C: Luật sư Nguyễn Trung Nhân – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh N trình bày:

Do quen biết là hàng xóm với nhau nên chị N có cho chị Nguyễn Thị Kim C vay tiền và vàng. Cụ thể như sau:

Ngày 04/02/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc nhấn 05 chỉ vàng 18K.
Ngày 21/5/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc dây chuyền 04 chỉ 02 ly vàng 18K.
Ngày 04/3/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc nhấn 05 chỉ vàng 24K.
Ngày 14/4/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc lắc 05 chỉ vàng 24K.
Ngày 18/11/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc nhấn 03 chỉ vàng 24K.
Ngày 15/12/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc nhấn 03 chỉ vàng 24K.
Ngày 08/02/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc nhấn 01 chỉ vàng 24K.
Ngày 01/5/2020 âm lịch mượn: 01 Cốc nhấn 05 chỉ vàng 24K.
Ngày 07/4/2020 âm lịch mượn: 35.000.000 đồng.
Ngày 15/5/2020 âm lịch mượn: 1.000.000 đồng.
Ngày 04/5/2020 âm lịch mượn: 10.000.000 đồng.
Ngày 16/4/2020 âm lịch mượn: 10.000.000 đồng.
Ngày 01/6/2020 âm lịch mượn: 500.000 đồng.
Ngày 07/7/2020 âm lịch mượn: 10.000.000 đồng.
Ngày 03/12/2020 âm lịch mượn: 45.000.000 đồng.

Tổng cộng chị C mượn 09 chỉ 02 ly vàng 18K, 22 chỉ vàng 24K và 111.500.000 đồng. Chị C hẹn trả trong thời gian 01 tháng nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Do đó, chị N yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả cho chị N tổng cộng là 09 chỉ 02 ly vàng 18K, 22 chỉ vàng 24K, 111.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả mức lãi 0,83%/ tháng trên số tiền và vàng quy ra thành tiền tổng cộng chị C phải trả là 261.754.050 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị N; vì chị không có mượn tiền và vàng của chị N.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị N yêu cầu chị C trả số tiền 111.500.000 đồng, 09 chỉ 02 ly vàng 18K, 22 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

- Chị C không đồng ý trả tiền và vàng do không có vay mượn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh N.

Chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ánh N số tiền 111.500.000 đồng (*Một trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh N về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C trả lãi đối với số tiền và vàng quy ra tiền.

3. Không chấp nhận yêu cầu chị Phạm Thị Ánh N đòi chị Nguyễn Thị Kim C trả 09 chỉ 02 ly vàng 18K và 22 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị Ánh N nộp 7.780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.544.000 đồng theo biên lai thu số 0019437 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC, nên chị N phải nộp thêm 1.236.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim C nộp 5.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 04/5/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, bác đơn yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh N đòi chị C phải trả cho chị N số tiền 111.500.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Nguyễn Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị Phạm Thị Ánh N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C có nhiều lập luận cho rằng: Chị C không thừa nhận có ký tên xác nhận nợ trong các biên nhận; các biên nhận nợ này do nguyên đơn giữ; kết luận giám định đã kết luận không có cơ sở xác định đó có phải là chữ ký của chị C hay không; nguyên đơn thừa nhận có sửa chữa, ghi thêm trong biên nhận; do đó cần xem xét giá trị pháp lý đối với các biên nhận này. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, lời bào chữa của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Kết luận giám định số 113/KL-KTHS(Đ2) ngày 21/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang (Bút lục 59, 60) đã kết luận:

- Không có đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên “Nguyễn Thị Kim C” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 (tương ứng với các Bút lục 35, 38, 37, 36) so với chữ ký đứng tên “Nguyễn Thị Kim C” trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M9 (tương ứng với Bút lục 31, 43, 89, 88, 87, 86, 79, 78, 42, 70, 71, 72, 73) có phải do cùng một người ký ra không.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 (loại trừ các số “24”; “5 chỉ “24” sau từ “Cầm 21 triệu” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; số “18”; “Cầm” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4) so với chữ viết đứng tên “Nguyễn Thị Kim C” trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M9 do cùng một người viết ra.

Tại phiên hòa giải ngày 25/6/2021 (Bút lục 73, 72), chị C xác định chữ viết trong toàn bộ các biên nhận do chị N cung cấp cho Tòa án là chữ viết của chị C. Chị C cho rằng vào thời điểm viết biên nhận chị C bị bệnh bùa nghe, không biết gì hết, chị N nói gì chị cũng nghe và làm theo, chị N kêu viết thì chị viết (Bút lục 73, 72, 108). Chị C kháng cáo cho rằng không có mượn tiền vàng của chị N, không có làm giấy nợ, không đồng ý trả cho chị N số tiền 111.500.000 đồng như chị N yêu cầu.

Xét lời khai nại này của chị C là không có căn cứ. Bởi lẽ, chữ viết trong các biên nhận do chị N cung cấp được xác định là chữ viết của chị C theo Kết luận giám định số 113/KL-KTHS(Đ2) ngày 21/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang và chị C cũng đã thừa nhận đó là chữ viết của mình; tuy chữ ký không có cơ sở để xác định, chị Nguyễn Thị Kim C không thuộc người phải đăng ký chữ ký mẫu nên có thể dùng nhiều chữ ký khác nhau, không loại trừ trường hợp chị C đã thay đổi chữ ký. Hơn nữa, số tiền vàng trong các biên nhận do chị N cung cấp rất lớn; nếu chị C cho rằng bị ép buộc, đe dọa phải viết, ký biên nhận khi đang bị bệnh, nhưng đến sau tết năm 2021 khi chị C hết bệnh, đầu óc trở nên bình thường, chị C không có động thái gì yêu cầu chính quyền địa phương hay cơ quan có thẩm quyền làm rõ nội dung các giấy mượn nợ để bảo vệ quyền lợi của chị C và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh từ đó đến nay chị C có yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền

giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị C. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Lập luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim C không được chấp nhận nên chị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh N.

Chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Ánh N số tiền 111.500.000 đồng (*Một trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh N về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C trả lãi đối với số tiền và vàng quy ra tiền.

3. Không chấp nhận yêu cầu chị Phạm Thị Ánh N đòi chị Nguyễn Thị Kim C trả 09 chỉ 02 ly vàng 18K và 22 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Ánh N nộp 7.780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.544.000 đồng theo biên lai thu số 0019437 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC, nên chị N phải nộp thêm 1.236.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim C nộp 5.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006775 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã GC;
 - CCTHADS thị xã GC;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2022-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung